

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/14

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025

Sản phẩm: **Potassium Metabisulfite food grade (E224)**

Phiên bản: 3.0

(30042359/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 17.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:

Potassium Metabisulfite food grade (E224)

Sử dụng: phụ gia thực phẩm

Sử dụng được đề xuất: các chất khử vô cơ., sản phẩm ban đầu cho quá trình tổng hợp hoá học, hóa chất chế biến

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Độ độc cấp tính: Cat.5 (tiếp xúc miệng)

Kích ứng da: Cat.2

Tổn thương mắt nghiêm trọng: Cat.1

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.3

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025

Phiên bản: 3.0

Sản phẩm: **Potassium Metabisulfite food grade (E224)**

(30042359/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 17.10.2025

Hình đồ cảnh báo:



Cảnh báo:

| Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ:

H318	Gây thương tổn mắt nghiêm trọng.
H315	Gây kích ứng da.
H303	Có thể nguy hại khi nuốt phải.
H402	Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh.

Biện pháp phòng ngừa:

P280	Đeo găng tay bảo vệ và bảo vệ mắt/ mặt.
P273	Tránh thải vào môi trường.
P264	Rửa kỹ với nhiều nước và xả phòng sau khi sử dụng.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P305+P351+P338	NẾU VẮNG VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính sát trùng, nếu có và thực hiện nhẹ nhàng. Tiếp tục rửa sạch. Ngay lập tức liên hệ với Trung Tâm Chết Độc hay bác sĩ.
P310	NẾU DÍNH TRÊN DA: Rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
P302+P352	KHI NUỐT PHẢI: Liên hệ với Trung Tâm Chết Độc hay bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.
P301+P312	Nếu kích ứng da xuất hiện: Yêu cầu trợ giúp y tế
P332+P313	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
P362 + P364	

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Không có các mối nguy hiểm cụ thể, nếu xem xét các quy định/lưu ý về cất trữ và xử lý. Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

Tạo ra khí độc khi tiếp xúc với axit

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

| dipotassium disulphite

| Số CAS: 16731-55-8

K2S2O5

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Potassium Metabisulfite food grade (E224)**

Phiên bản: 3.0

(30042359/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 17.10.2025

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:
Nếu cảm thấy khó chịu sau khi hít phải bụi, di chuyển ra nơi có không khí trong lành và gọi bác sĩ.
Sau khi hít phải các sản phẩm phân hủy: Ngay lập tức hít một liều corticosteroid sol khí. Gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:
Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:
Ngay lập tức rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước chảy và mở to mí mắt, tham khảo ý kiến chuyên gia mắt.

Khi nuốt phải:
Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:
Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11., Nhiều người nhạy cảm với các chất phụ gia sulphite và có thể gặp một loạt các triệu chứng, bao gồm viêm da, nổi mề đay, phù mạch, đau bụng, tiêu chảy, co thắt phế quản và sốc phản vệ.
Những mối nguy hiểm: Nguy cơ tạo thành khí sulfure dioxide do phản ứng với dịch vị khi nuốt phải.
Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:
Phun nước, cacbon dioxide, bột, bột khô

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:
Vòi phun nước

Thông tin bổ sung:
Sản phẩm sẽ không cháy

Sử dụng phương pháp dập tắt thích hợp với khu vực xung quanh.

Những mối nguy hiểm cụ thể:
Sulphur dioxide
Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi sản phẩm cháy

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập và áo quần bảo hộ chống hóa chất.

Thông tin bổ sung:
Tự bản thân sản phẩm không cháy; phương pháp dập tắt lửa các khu vực xung quanh phải được xem xét. Nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất phải được thải bỏ theo các quy định chính thức.
Không hít khói trong trường hợp cháy và/ hoặc nổ

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Potassium Metabisulfite food grade (E224)**

Phiên bản: 3.0

(30042359/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 17.10.2025

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Tránh bụi.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm. Không thải vào tầng đất nền/đất. Thu gom và thải bỏ nước rửa nhiễm hoá chất.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Dọn sạch/ xúc sạch. Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Chỉ sử dụng trong khu vực thông thoáng tốt. Tránh bụi. Tránh tiếp xúc với da và mắt.

Phòng chống cháy nổ:

Chất/sản phẩm không cháy. Không cần thiết cảnh báo đặc biệt.

Hướng dẫn bảo quản

Cách ly với các axit và các chất tạo axit. Cách ly với các chất oxy hóa.

Những vật liệu thích hợp cho thùng chứa: Thép không gỉ 1.4571, Thép không gỉ 1.4541, Nhựa tổng hợp tỷ trọng thấp LDPE, Nhựa tổng hợp tỷ trọng cao HDPE, thép cac-bon (sắt), được phủ keo, Thủy tinh được thêm chất dẻo (GRP)

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Tránh xa nguồn nhiệt. Đóng chặt và lưu giữ nơi mát mẻ, thông thoáng tốt. Cất giữ thùng chứa khô ráo. Sản phẩm tiêu thụ oxy. Nguy cơ thiếu oxy trong thùng chứa và bể chứa.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Hàm lượng bụi tổng quát sẽ được duy trì.

Chất được đề cập bộc lộ nếu quy định/ lưu ý về bảo quản và sử dụng không được tuân thủ.

Sulphur dioxide, 7446-09-5;

Giá trị STEL 0.25 ppm (ACGIHTLV)

Giá trị STEL 10 mg/m³ (OEL (VN))

Giá trị TWA 5 mg/m³ (OEL (VN))

disodium disulphite, 7681-57-4;

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025

Sản phẩm: **Potassium Metabisulfite food grade (E224)**

Phiên bản: 3.0

(30042359/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 17.10.2025

Giá trị TWA 5 mg/m³ (ACGIHTLV)Giá trị TWA 5 mg/m³ (OEL (VN))Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp nếu có bụi. Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ thấp hơn hoặc tác động ngắn: Bộ lọc hạt có hiệu suất thấp đối với các hạt rắn (vd. EN 143 hay 149, Loại P1 hay FFP1) Thiết bị bảo vệ hô hấp nếu hình thành khí/ hơi. Bộ lọc kết hợp dành cho khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ, vô cơ, acid vô cơ, kiềm và các hạt độc hại (vd EN 14387 Loại ABEK-P3)

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất

Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thấm thấu > 480 phút theo EN ISO 374-1):

ví dụ cao su nitril (0.4 mm), cao su chloropren (0.5 mm), polyvinylchloride (0.7 mm) và chất khác

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thấm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Điều chỉnh vừa kín kính an toàn (kính chống bắn tóe) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Không hít hơi hoặc bụi hoá chất. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	bột
Màu sắc:	Màu trắng
Mùi:	Mùi nhẹ, của lưu huỳnh đioxit (SO ₂)
Ngưỡng mùi:	Chưa xác định bởi các nguy cơ tiềm tàng đối với sức khỏe do hít phải hóa chất.
Giá trị pH:	3.8 - 4.6 (nước, 5 %(m), 20 °C) Không có sẵn các dữ liệu.
điểm phân hủy:	tương đương 150 °C Dữ liệu tài liệu.
Điểm nóng chảy:	Chất / sản phẩm phân hủy do đó không được xác định.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025

Sản phẩm: **Potassium Metabisulfite food grade (E224)**

Phiên bản: 3.0

(30042359/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 17.10.2025

Điểm sôi:	(1,013 hPa) không áp dụng	
Điểm chớp cháy:	không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.	
Tốc độ bay hơi:	Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không bắt cháy	
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn	
Phân huỷ do nhiệt:	> 150 °C Để tránh phân giải nhiệt, không đun quá nóng.	
Tự bắt cháy:	không tự cháy	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ cao
	không tự cháy	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
Khả năng tự gia nhiệt:	Chất không có khả năng tự gia nhiệt.	
Nguy cơ nổ:	Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.	
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.	
Áp suất hơi:	không áp dụng	
Tỷ trọng:	2.3 g/cm ³ (20 °C) Dữ liệu tài liệu.	
Tỷ trọng tương đối:	2.3 (20 °C)	
Tỷ trọng thể tích/mật độ khối:	1,100 - 1,300 kg/m ³	
Tính tan trong nước:	Dữ liệu tài liệu. 495 g/l (25 °C)	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	không áp dụng	
Hấp thụ/nước - đất:	Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025

Sản phẩm: **Potassium Metabisulfite food grade (E224)**

Phiên bản: 3.0

(30042359/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 17.10.2025

Sức căng bề mặt:

Dựa trên cấu trúc hóa học, không có khả năng có bề mặt hoạt tính.

Tính nhót, động lực:

không áp dụng

Tính nhót, động học:

không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.

Đặc điểm của hạt

Phân bố kích thước hạt:	65 µm	(D10, ISO 13320-1)
	228 µm	(D50, ISO 13320-1)
	523 µm	(D90, ISO 13320-1)
Phân bố kích thước hạt:	các hạt mịn -	
diện tích bề mặt riêng:	4.6 m ² /g	(MSSA, ISO 9227)
	10.8 m ² /cm ³	

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Tránh độ ẩm.

Phân huỷ do nhiệt:

> 150 °C

Để tránh phân giải nhiệt, không đun quá nóng.

Những chất cần tránh:

các chất nitrit, các chất nitrat, các tác nhân oxy hóa, các axit

Những phản ứng nguy hiểm:

Phản ứng với các Nitrit. Phản ứng hoá học với Nitrat. Phản ứng với các tác nhân oxy hóa. Hình thành khí SO₂ dưới tác động của các axit. Sản phẩm tiêu thụ oxy

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:

Sulphur dioxide

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50chuột (miệng): tương đương 2,300 mg/kg (theo Hướng dẫn OECD 401)

Độ độc cấp tính khi hít phải

LC50 chuột (bằng cách hít phải): > 5.5 mg/l 4 h (OECD hướng dẫn 403)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025

Sản phẩm: **Potassium Metabisulfite food grade (E224)**

Phiên bản: 3.0

(30042359/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 17.10.2025

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự. Được thử nghiệm ở dạng bụi mịn aerosol.

Độc cấp tính trên da

LD50 chuột (da): > 2,000 mg/kg (OECD-Chỉ thị 402)

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Đánh giá độ độc cấp tính

Độc tính thấp sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc khi hít phải. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da. Chưa tiến hành toàn bộ các thí nghiệm đối với sản phẩm này. Các báo cáo được đưa ra dựa trên các sản phẩm có cấu trúc và thành phần giống với sản phẩm này.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Nhiều người nhạy cảm với các chất phụ gia sulphite và có thể gặp một loạt các triệu chứng, bao gồm viêm da, nổi mề đay, phù mạch, đau bụng, tiêu chảy, co thắt phế quản và sốc phản vệ.

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Gây thương tổn mắt nghiêm trọng. Gây kích ứng da.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thô: không gây kích ứng (Thí nghiệm BASF)

Ăn mòn/Kích ứng da Trong các thí nghiệm: Gây kích ứng. (Hướng dẫn OECD 439)

| Ăn mòn/Kích ứng da Trong các thí nghiệm: Không ăn mòn

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng: tổn thương không thể thay đổi được (OECD hướng dẫn 405)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Tác dụng mẫn cảm da đã không được theo dõi trong nghiên cứu động vật. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự. Bao gồm tác dụng mẫn cảm trên các cá nhân đặc biệt nhạy cảm.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm LLNA chuột: Không làm mẫn cảm. (OECD Hướng dẫn 429)

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Không tác dụng đột biến nào được tìm thấy trong nhiều thí nghiệm khác nhau trên vi khuẩn và tế bào động vật có vú. Chất không gây đột biến trong thí nghiệm với động vật có vú. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Qua nhiều nghiên cứu lâu dài trên động vật, không phát hiện tác động gây ung thư khi cho hóa chất liều lượng cao vào nước uống của động vật thí nghiệm.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Không chỉ số nào về tác dụng gia tăng độc tính/ gây quái thai được nhìn nhận trong các nghiên cứu trên động vật.

Thực nghiệm trên con người

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Đối với những người dễ bị dị ứng, hoá chất này có thể gây ra phản ứng kích ứng mạnh.

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Không tìm thấy độc tính lên các cơ quan cụ thể sau khi cho động vật tiếp xúc nhiều lần với hóa chất. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Nguy cơ khi hít vào

không áp dụng

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) 316 mg/l, *Leuciscus idus* (DIN 38412 Phần 15, tính điện)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025

Sản phẩm: **Potassium Metabisulfite food grade (E224)**

Phiên bản: 3.0

(30042359/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 17.10.2025

Nồng độ danh nghĩa. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) 89 mg/l, *Daphnia magna* (Chỉ thị 79/831/EEC, tính điện)

Nồng độ danh nghĩa. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

EC50 (48 h) 230 mg/l, *Daphnia magna* (, tính điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Sản phẩm chưa được thử nghiệm.

Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) 43.8 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Scenedesmus subspicatus* (, tính điện)

Nồng độ danh nghĩa. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

EC50 (72 h) > 100 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Pseudokirchneriella subcapitata* (Hướng dẫn OECD 201, tính điện)

Nồng độ danh nghĩa. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

Nồng độ tác động không quan sát được (180 min) $\geq 1,000$ mg/l, (Hướng dẫn OECD 209, ở dưới nước)

Nồng độ danh nghĩa. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Độc mãn tính cho loài cá:

Nồng độ tác động không quan sát được (34 d) ≥ 316 mg/l, *Brachydanio rerio* (OECD Guideline 210, Chảy qua.)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Sản phẩm chưa được thử nghiệm.

Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Nồng độ tác động không quan sát được (21 d), > 10 mg/l, *Daphnia magna* (OECD Hướng dẫn 211, bán tĩnh)

Nồng độ danh nghĩa. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Không có sẵn các dữ liệu.

Không cần thiết tiến hành các nghiên cứu.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân hủy sinh học và tính khử (H₂O):

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025

Sản phẩm: **Potassium Metabisulfite food grade (E224)**

Phiên bản: 3.0

(30042359/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 17.10.2025

Sản phẩm vô cơ không thể được loại bỏ khỏi nước bằng các quy trình lọc sinh học.
Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Thông tin bị đào thải:
Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Đánh giá tính ổn định trong nước:
Dựa vào thuộc tính cấu trúc, sự thủy phân không chắc chắn xảy ra.
Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Thông tin về tính ổn định trong nước (Thủy phân):
Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Tham số/ Giới hạn tổng

Nhu cầu oxy sinh hoá (COD): (được tính toán) tương đương 140 mg/g

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:
Bởi vì hệ số tích lũy giữa n-octanol/nước trong sinh khối là không hoàn toàn bình thường.

Khả năng tích lũy sinh học:
Bởi vì hệ số tích lũy giữa n-octanol/nước trong sinh khối là không hoàn toàn bình thường.

Thông tin bổ sung

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:
Nồng độ cao của chất có thể tiêu thụ lượng Oxy hóa học mạnh trong hệ thống xử lý nước thải sinh học hoặc rãnh thoát nước. Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phải được thải bỏ hoặc đốt phù hợp với quy định địa phương.
Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:
Bao bì nhiễm bẩn nên được trút ra tối đa có thể, sau đó chúng có thể được chuyển đi tái sinh sau khi được làm sạch hoàn toàn.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
 Sản phẩm: **Potassium Metabisulfite food grade (E224)**

Phiên bản: 3.0

(30042359/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 17.10.2025

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Ô nhiễm hàng hải: không
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Sea transport

IMDG	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Marine pollutant: no
Special precautions for user	None known

Vận tải hàng không

IATA/ICAO	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Air transport

IATA/ICAO	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
Special precautions for user	None known

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Potassium Metabisulfite food grade (E224)**

Phiên bản: 3.0

(30042359/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 17.10.2025

Vận tải biển số lượng lớn theo quy định của IMO**Maritime transport in bulk according to IMO instruments**

Không được vận chuyển đường biển số lượng lớn mà chưa dự kiến.

Maritime transport in bulk is not intended.

15. Thông tin về pháp luật

Những quy định khác

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất:

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- QCVN 05A:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;
- Sửa đổi 1:2024 QCVN 05A:2020/BCT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ;
- Nghị định 34/2024/nđ-cp ngày 31/03/2024 quy định về danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa tải
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa;
- Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Potassium Metabisulfite food grade (E224)**

Phiên bản: 3.0

(30042359/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 17.10.2025

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất.

Những hàng trống bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.